

## THỐNG KÊ KẾT QUẢ XÉT XỬ SƠ THÂM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC BỊ CÁO (P1)

Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm  
(áp dụng cho kỳ thống kê tháng, 6 tháng và 12 tháng)

TỘI DANH	ĐIỀU LUẬT	Quyết định khác (chung cả cá nhân và pháp nhân)										Bị cáo là cá nhân										Hình phạt bổ sung					
		Hình phạt chính										Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định					Tước một số quyền công dân					Phạt tiền (khi không áp dụng là hình phạt chính)					
		Tổng số bị cáo đã xét xử	Tr/dó: Số bị cáo là pháp nhân	Tòa án tuyên không phạm tội	Tr/dó: Số bị cáo là pháp nhân	Miễn trách nhiệm hình sự	Tr/dó: Số bị cáo là pháp nhân	Miễn hình phạt	Tr/dó: Số bị cáo là pháp nhân	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Trục xuất	Phạt tù cho hưởng án treo	3 năm tù trở xuống	Trên 3 năm đến 7 năm tù	Trên 7 năm đến 15 năm tù	Trên 15 năm tù	Tù chung thân	Tử hình	Cấm cư trú	Quản chế	Tước thu tài sản	Tịch thu tài sản	Phạt tiền	Trục xuất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
<b>Tổng số</b>																											

Ghi chú: Đối với 01 bị cáo nhưng phạm nhiều tội khác nhau thì thống kê đầy đủ vào các tội danh và hình phạt đã áp dụng đối với từng tội danh. Ví dụ: Bị cáo A Tòa án tuyên phạt tội "Giết người" 14 năm tù, tội "Cướp tài sản" 11 năm tù, thì thống kê như sau: tội "Giết người" 1 bị cáo, hình phạt ""trên 7 năm đến 15 năm"; tội "Cướp tài sản" 1 bị cáo, hình phạt "trên 7 năm đến 15 năm". Vì vậy số bị cáo đã xét xử ở biểu này có thể lớn hơn hoặc bằng số bị cáo đã xét xử ở biểu số 10

## THỐNG KÊ KẾT QUẢ XÉT XỬ SO THẨM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CÁC BỊ CÁO (P2)

TỘI DANH	ĐIỀU LUẬT	Tổng số bị cáo đã xét xử	Tr/dó: Số bị cáo là pháp nhân	Bị cáo là pháp nhân						Tiêu chí khác (chung cả cá nhân, pháp nhân)		
				Hình phạt chính			Hình phạt bổ sung					
				Phạt tiền	Định chỉ hoạt động có thời hạn	Định chỉ hoạt động vĩnh viễn	Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định	Cấm huy động vốn	Phạt tiền (khi không áp dụng là hình phạt chính)	Số bị cáo Tòa án xét xử theo khoản khác nhẹ hơn trong cùng điều luật hoặc tội khác nhẹ hơn tội VKS đã truy tố	Số bị cáo tòa án xét xử về tội danh khác bằng tội danh mà viện kiểm sát đã truy tố	Số bị cáo Tòa án xét xử về tội nặng hơn tội danh VKS đã truy tố
1	2	3	4	29	30	31	32	33	34	35	36	37
<b>Tổng số</b>												

....., ngày ..... tháng ..... năm 201....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**VIỆN TRƯỞNG**  
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)